

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 578/2020/HNGĐ-PT

Ngày 23-6-2020

V/v Tranh chấp ly hôn,  
chia tài sản chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

*Các Thẩm phán:* Bà Đặng Thị Bích Loan  
Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2020/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1325/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2925/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phan Thị T1, sinh năm 1952. (Có mặt)

Địa chỉ: Số W khu phố T, Phường P, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Văn H – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ: Số I đường T, Phường P, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Phan Văn T2, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: Số H Đường I, Khu phố R, phường H, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Nguyễn Minh T3 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ: Số Q Đường số E, Khu phố T, phường H, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người kháng cáo:** Nguyên đơn - bà Phan Thị T1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:*

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2015, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/9/2019, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị T1 trình bày:*

Bà và ông Phan Văn T2 chung sống với nhau từ năm 1982 có sự đồng ý của hai bên gia đình nhưng năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do ông T2 nhậu nhẹt, về đánh đập bà. Sau nhiều năm chịu đựng, đến năm 2015 do sức khỏe yếu, nên bà đã về nhà con ruột để sinh sống. Nay tại Tòa bà đồng ý ly hôn với ông Phan Văn T2. Con chung không có. Về tài sản chung bà xác định năm 2014 ông T2 có nhận tiền bồi thường đất là 15.310.000.000 đồng và các tài sản chung sau đây:

- 01 nhà, đất tại địa chỉ số 55/1H Đường 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BD 100316 ngày 21/12/2010, cập nhật biến động ngày 04/3/2015;

- Số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phương Nam, nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, số tiền gốc lãi tính đến ngày 28/5/2019 là 1.272.701.810 đồng;

- Bà có giữ 20 lượng vàng SJC và 200.000.000 đồng. Số vàng này ông T2 cho bà 10 lượng nên tài sản chung chỉ còn 10 lượng vàng SJC, 200.000.000 đồng bà đã sử dụng để chữa bệnh hết.

Nay bà T1 yêu cầu ông T2 phải chia cho bà số tiền là 7.500.000.000 đồng, và ½ giá trị tài sản chung khác, bà đồng ý để ông T2 nhận nhà.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Ngày 10/9/2019 bà có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết, công nhận phần đất có diện tích 172,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 557 tờ bản đồ số 41 Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 10200 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cập nhật ngày 16/8/2019 là tài sản riêng của bà.

*Tại đơn phản tố đề ngày 23/11/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn T2 trình bày:*

Ông thống nhất với trình bày của bà T1 về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân là đúng. Theo ông cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc bình thường, tuy nhiên đến năm 2015 thì bà T1 tự ý bỏ nhà đi và không còn chung sống với nhau. Nay ông xác định tình cảm với bà T1 không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông T2 xác nhận năm 2014 ông có nhận khoản tiền bồi thường giải tỏa nhà đất là 15.310.000.000 đồng nhưng đây là tài sản riêng của ông. Tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 căn nhà, 01 sổ tiết kiệm 1.000.000.000 đồng cùng tiền lãi, số vàng 20 lượng SJC và 200.000.000 đồng, ngoài ra không còn gì khác. Ông T2 không thừa nhận cho bà T1 10 lượng vàng vì toàn bộ số tiền, vàng là tiền dưỡng già

của vợ chồng và có nguồn gốc từ tiền bồi thường đất ông nhận năm 2015. Ông thống nhất yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, ông xin nhận nhà để sinh sống.

Phần đất 172,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 557 tờ bản đồ số 41 Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 10200 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp nhật ngày 16/8/2019 ông T2 thừa nhận là tài sản riêng của bà T1.

*Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1325/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 46, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 57 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn T2, bà Phan Thị T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Công nhận phần đất có diện tích 172,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 557 tờ bản đồ số 41 Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 10200 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp nhật ngày 16/8/2019 là tài sản riêng của bà Phan Thị T1.

[2] Xử:

[2.1] Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của ông Phan Văn T2 và bà Phan Thị T1 là:

- Căn nhà số 55/1H Đường 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BD 100316 ngày 21/12/2010, cập nhật biến động ngày 04/3/2015 do bà Phan Thị T1, ông Phan Văn T2 sở hữu.

- Khoản tiền gửi tiết kiệm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo số tài khoản 48913008 do ông Phan Văn T2 và bà Phan Thị T1 sở hữu mở tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Bình Triệu ngày 23/01/2015 và tiền lãi phát sinh cho đến ngày giải ngân tại Ngân hàng.

- 20 (hai mươi) lượng vàng JSC và 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) bà Phan Thị T1 giữ.

[2.2] Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

- Ông Phan Văn T2, bà Phan Thị T1 cùng thực hiện việc tắt toán khoản tiền gửi tiết kiệm 1.000.000.000 đồng theo số tài khoản 48913008 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Bình Triệu ngày 23/01/2015 và tiền lãi phát sinh.

- Bà Phan Thị T1 được nhận toàn bộ số tài sản đang giữ là: 20 (hai mươi) lượng vàng SJC, 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và ông T2 có trách nhiệm giao thêm cho bà T1 số tiền 979.939.213 đồng (chín trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi chín ngàn hai trăm mười ba đồng) cùng với  $\frac{1}{2}$  số tiền lãi của khoản tiền gửi tiết kiệm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Giao cho ông Phan Văn T2 được trọn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của căn nhà số 55/1H Đường 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 100316 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 21/12/2010, cập nhật bổ sung ngày 04/3/2015. Ông T2 còn được nhận thêm 20.060.789 đồng (hai mươi triệu không trăm sáu mươi ngàn bảy trăm tám mươi chín đồng) và  $\frac{1}{2}$  số tiền lãi của khoản tiền gửi tiết kiệm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Ông Phan Văn T2 được quyền liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện việc đăng bộ quyền sở hữu căn nhà số 55/1H Đường 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức sau khi thực hiện hoàn tất việc giao phần tài sản chung cho bà T1.

[2.3] Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị T1 yêu cầu ông Phan Văn T2 phải giao cho bà T1 số tài sản chung là 7.500.000.000 đồng (bảy tỷ năm trăm triệu đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn T2, bà Phan Thị T1 được miễn án phí.

Bà Phan Thị T1 đã tạm ứng và tự nguyện chịu chi phí thẩm định tài sản.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 22/11/2019, bà T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu: Định giá lại tài sản là nhà và đất tại địa chỉ 55/1H Đường 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức và chia cho bà  $\frac{1}{2}$  căn nhà bằng hiện vật do hiện bà không có nhà ở hoặc  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản tại thời điểm hai bên phân chia. Số tiền tiết kiệm giữ tại Ngân hàng là 03 tỷ đồng nhưng ông T2 đã rút ra 02 tỷ đồng và ông T2 tiêu sài, nên ông T2 phải có nghĩa vụ chia cho bà thêm 01 tỷ đồng. Hai mươi lượng vàng bà mang đi trong đó ông T2 cho bà 10 lượng vàng, nên nếu chia thì chỉ chia 10 lượng. Chia cho bà 20% tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà ông T2 đã nhận hơn 11 tỷ đồng.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn bà T1 trình bày: Bà rút lại một phần kháng cáo, cụ thể: Số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng là 03 tỷ đồng nhưng ông T2 đã rút ra 02 tỷ đồng và ông T2 tiêu xài, nên ông T2 phải có nghĩa vụ chia cho bà thêm 01 tỷ đồng. Hai mươi lượng vàng bà mang đi trong đó ông T2 cho bà 10 lượng vàng, nên nếu chia thì chỉ chia 10 lượng.

Bà yêu cầu kháng cáo xem xét: Định giá lại tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số 55/1H Đường 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức và chia cho bà

½ căn nhà bằng hiện vật do hiện bà không có nhà ở hoặc ½ giá trị tài sản tại thời điểm hai bên phân chia. Chia cho bà 20% tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà ông T2 đã nhận hơn 11 tỷ đồng.

Bà xác nhận tài sản là của ông T2, khi bà về chung sống với ông T2 thì ông T2 đã có tài sản riêng, bà yêu cầu xem xét cho bà về công gìn giữ và tôn tạo tài sản trong số tiền mà ông T2 nhận đền bù hiện nay ông T2 còn đang giữ khoảng hơn 13 tỷ đồng, bà yêu cầu nhận 20% của số tiền 13 tỷ đồng.

Luật sư của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về công sức gìn giữ tài sản đối với bà T1, để bà T1 nhận 20% số tiền đền bù mà hiện nay ông T2 đang giữ.

Bị đơn ông T2 trình bày: Tài sản hiện bà T1 tranh chấp có nguồn gốc là tài sản riêng của ông. Vào năm 2015, Nhà nước giải tỏa nên ông nhận được tiền đền bù giải tỏa số tiền là 15.310.000.000 đồng, sau khi nhận tiền thì ông mua căn nhà số 55/1H Đường 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức để hai vợ chồng đứng tên và tiền gửi tại ngân hàng tài khoản một tỷ đồng và ông đã chia cho các anh em của ông. Số vàng, tiền bà T1 mang đi cũng là từ nguồn tiền trên. Thửa đất tại quận Gò Vấp mà bà T1 đứng tên riêng cũng xuất phát từ tiền của ông do bà mang đi và mua mà có nhưng bà lại yêu cầu xác nhận tài sản riêng là không phù hợp nên ông yêu cầu xem xét về tài sản mà bà T1 cho là riêng của bà.

Luật sư của bị đơn trình bày: Tài sản bà T1 tranh chấp có nguồn gốc là tài sản riêng của ông T2, bà T1 dùng số tiền và vàng mang đi để mua thửa đất ở quận Gò Vấp nhưng lại yêu cầu xác nhận là tài sản riêng của bà, đối với ông T2 là không hợp lý, nên yêu cầu được xem xét lại.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:*

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đưa vụ án ra xét xử ngày 11/11/2019, đến ngày 22/11/2019 bà T1 kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà T1 kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản chung là căn nhà số 55/1H Đường 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà thống nhất với giá đã định tại biên bản định giá nên không có cơ sở xem xét. Bà T1 yêu cầu chia 20% số tiền mà ông T2 được nhận đền bù hiện ông đang giữ khoảng 13 tỷ đồng, bà cho rằng do bà có công sức gìn giữ và tôn tạo tài sản; tài sản chung hiện nay do ông T2 và bà T1 đứng tên và được chia tại bản án sơ thẩm có nguồn gốc từ tài sản riêng của ông T2, xây dựng trên số tiền đền bù giải tỏa, nên yêu cầu của bà T1 là không có cơ sở nên không chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

*1/ Về tố tụng:*

Ngày 11/11/2019, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức mở phiên tòa sơ thẩm. Ngày 22/11/2019, bà T1 kháng cáo bản án sơ thẩm số 1325/2019/HNGĐ-ST và đã tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn kháng cáo của bà Phan Thị T1 làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

*2/ Về nội dung kháng cáo:*

Bà Phan Thị T1 kháng cáo, yêu cầu xem xét về tài sản chung của vợ chồng, cụ thể: Định giá lại tài sản là nhà và đất tại số 55/1H Đường 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức và chia cho bà ½ căn nhà bằng hiện vật do hiện bà không có nhà ở hoặc ½ giá trị tài sản tại thời điểm hai bên phân chia. Số tiền tiết kiệm giữ tại Ngân hàng là 03 tỷ đồng nhưng ông T2 đã rút ra 02 tỷ đồng và ông T2 tiêu xài, nên ông T2 phải có nghĩa vụ chia cho bà thêm 01 tỷ đồng. Hai mươi lượng vàng bà mang đi trong đó ông T2 cho bà 10 lượng vàng, nên nếu chia thì chỉ chia 10 lượng. Chia cho bà 20% tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà ông T2 đã nhận hơn 11 tỷ đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 rút lại một phần của yêu cầu kháng cáo ban đầu, cụ thể: Số tiền tiết kiệm giữ tại Ngân hàng là 03 tỷ đồng nhưng ông T2 đã rút ra 02 tỷ đồng và ông T2 tiêu xài, nên ông T2 phải có nghĩa vụ chia cho bà thêm 01 tỷ đồng. Hai mươi lượng vàng bà mang đi trong đó ông T2 cho bà 10 lượng vàng, nên nếu chia thì chỉ chia 10 lượng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/06/2015 về chia tài sản chung (bút lục số 58) và đơn bổ sung nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10/09/2019 (bút lục số 60) của bà T1 yêu cầu: Chia đôi tài sản là nhà và đất tại số 55/1H Đường 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức; số tiền gửi tại ngân hàng khoảng 14 tỷ đồng; xác nhận tài sản là thửa đất số 557, tờ bản đồ số 41, Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, với diện tích là 172,3m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 10200, cấp ngày 30/07/2019 là tài sản riêng của bà trong thời kỳ hôn nhân.

Tại đơn phản tố đề ngày 23/11/2017 về việc phản tố đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của ông Phan Văn T2, được Tòa án sơ thẩm, nhận đơn ngày 27/11/2017 (bút lục số 62, 63). Tại đơn ông T2 yêu cầu được ly hôn đối với bà T1; con chung không có; tài sản: Yêu cầu bà T1 trả lại số tài sản đang chiếm giữ là 27 lượng vàng và 480.000.000 đồng. Ngày 04/12/2019, Tòa sơ thẩm ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phản tố (bút lục số 70) đối với ông T2, số tiền tạm ứng là 300.000 đồng. Ngày 07/12/2017, Tòa sơ thẩm ban hành thông báo về việc thụ lý vụ án (bổ sung) số 613A/TB-TLVA; với nội dung ông T2 yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Ông T2 yêu cầu được ly hôn với bà T1. Như vậy, với đơn phản tố của ông T2 yêu cầu ly hôn và chia tài sản, nhưng Tòa cấp sơ thẩm chỉ thụ lý về ly hôn; đối với yêu cầu chia tài sản thì Tòa sơ thẩm không thụ lý nhưng đã được xem xét và giải quyết tại cấp sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 200 và Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự thì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Do đó căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm, nên án phí sẽ được xem xét lại tại cấp sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên đương sự không phải nộp án, bà T1 đã được miễn nộp án phí.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 148, Điều 273, Điều 200 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

Hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1325/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T1 không phải nộp. Bà T1 đã được miễn án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Mỹ Hạnh**